

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Tiếng Hàn Quốc, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-LĐTBXH, ngày 27/01/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư Số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 40/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2018 về ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 26/3/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Hàn Quốc, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Tiếng Hàn Quốc**

Mã ngành: **6220211**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **2520 giờ** (tương đương 96 tín chỉ)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2024.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Gia Hiền

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định Số 122/QĐ-AV, ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ TP.HCM)*

Tên ngành, nghề:	TIẾNG HÀN QUỐC
Mã ngành, nghề:	6220211
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên
Thời gian đào tạo:	2.5 năm

1. Giới thiệu chương trình đào tạo tiếng Hàn Quốc:

Tiếng Hàn Quốc trình độ cao đẳng là ngành, nghề đào tạo nhân lực sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết gắn với các lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp như trợ lý, hành chính – văn thư, biên dịch, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia của Việt Nam.

Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội việc làm tại các bộ phận của tổ chức hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng Tiếng Hàn Quốc. Người hành nghề chịu cường độ làm việc cao, chịu áp lực về thời gian và yêu cầu đảm bảo tiến độ.

Để hành nghề, người lao động làm việc ở vị trí này phải có sức khỏe tốt, có ngoại hình phù hợp, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ thuật nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập, mở rộng kiến thức xã hội, rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết rõ ràng, xây dựng ý thức nghề và say mê nghề.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Ngành Tiếng Hàn Quốc trình độ cao đẳng đào tạo Cử nhân thực hành có thể sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Hàn một cách thành thục, nhằm vận dụng những kiến thức ngoại ngữ đó để làm việc và phát triển trong những công việc cụ thể như biên phiên dịch tiếng Hàn, giáo viên tiếng Hàn, nhân viên hành chính văn phòng biết tiếng Hàn,.... Sinh viên tốt nghiệp ngành tiếng Hàn Quốc trình độ Cao đẳng có thể làm việc cho các công ty Hàn Quốc đang đầu tư vào Việt Nam hoặc các công ty Việt Nam hợp tác với các đối tác Hàn Quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức:



- Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;

- Trình bày được các nguyên tắc về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, văn bản tiếng Việt;

- Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, lối diễn đạt Tiếng Hàn Quốc tương đương ở trình độ TOPIK 4 trong số 6 cấp của Kỳ thi năng lực tiếng Hàn do Viện giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc tổ chức hàng năm tại hơn 70 quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội Hàn Quốc;

- Phân tích được các công việc liên quan tới công tác hành chính – văn phòng, các quy định tiếp khách, tiếp xúc với khách hàng, dịch thuật các văn bản, tài liệu, quy trình hỗ trợ các phòng ban;

- Trình bày lưu loát những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày trong môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất.

2.2.2. Về kỹ năng

- Sắp xếp được các cuộc hội thảo, tọa đàm, lịch làm việc theo yêu cầu của đối tác hai bên;

- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận thực hiện mục tiêu đề ra trong cơ quan, doanh nghiệp;

- Viết, thuyết trình thành thạo; thảo luận và làm chủ tình huống trong công việc trợ lý, hành chính – văn thư và biên phiên dịch có sử dụng Tiếng Hàn Quốc;

- Phát âm chuẩn, trôi chảy, có tốc độ phù hợp, đúng trọng âm, ngữ điệu;

- Sử dụng được các quy tắc nối âm, biến âm, đồng hóa âm trong tiếng Hàn Quốc một cách thành thạo trong xử lý công việc;

- Diễn đạt trôi chảy các ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân;

- Sử dụng được linh hoạt, đúng các từ vựng, lối diễn đạt, ngữ pháp, cấu trúc câu thường dùng trong giao tiếp;

- Giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ trong các cuộc trao đổi, hội họp, sự kiện, phiên dịch;

- Diễn đạt mạch lạc, đầy đủ các ý chính của một đoạn văn, chủ đề quen thuộc hằng ngày hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề liên quan đến công tác trợ lý, hành chính - văn phòng;

- Viết được các văn bản, tài liệu rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau;

- Diễn đạt được trôi chảy, rõ ràng những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình bằng tiếng Hàn Quốc;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, đáp ứng được yêu cầu của Bậc 2 trong số 6 bậc thuộc Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ứng dụng được tiếng Anh cơ bản vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;

- Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;

- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan và tổ chức;

- Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ;

- Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;

- Có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện thay đổi;

- Đánh giá được kết quả làm việc của cá nhân và của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

+ Trợ lý/Thư ký sử dụng Tiếng Hàn Quốc;

+ Hành chính văn thư sử dụng Tiếng Hàn Quốc;

+ Biên phiên dịch Tiếng Hàn Quốc;

+ Giáo viên giảng dạy Tiếng Hàn Quốc.

- Với khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Tiếng Hàn Quốc, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể lựa chọn học tiếp trình độ Đại học trong hoặc ngoài nước, tham gia bồi dưỡng các khóa nghiệp vụ chẳng hạn như sư phạm để có thể đáp ứng được yêu cầu của từng ngành nghề mà sinh viên có mong muốn làm việc.

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học/mô đun: 33

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 96 tín chỉ (2520 giờ).

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ.
- Khối lượng các môn học/mô đun chuyên môn: 2085 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 853 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1542 giờ; Thi, kiểm tra: 125 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Thực hiện độc lập hoặc làm việc nhóm để giải quyết công việc như: Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;
2	NLCB-02	Hướng dẫn, giám sát: Hướng dẫn, giám sát những người trong nhóm thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm khi thực hiện công việc; Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật; Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
3	NLCB-03	Đánh giá chất lượng: công việc sau khi hoàn thành và kết quả đạt thực hiện của các thành viên trong nhóm; Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ;
4	NLCB-04	Năng lực tự chủ bản thân: Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực thẳng thắn, có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi; Có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;
5	NLCB-05	Ứng dụng kỹ thuật: Sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật công nghệ và thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào công việc thực tế của nghề và xử lý được những vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình làm việc.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Năng lực tiếng Hàn: Có Chứng chỉ tiếng Hàn Topik II cấp độ 4 do các trường Cao đẳng, Đại học tại Hàn Quốc cấp hoặc có Chứng chỉ Tiếng Hàn Topik II cấp độ 4 do Viện giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp.

2	NLCL-02	Giao tiếp bằng tiếng Hàn: Sinh viên được trang bị vốn kiến thức cơ bản để có thể giao tiếp thành thạo bằng tiếng Hàn với các đối tác Hàn Quốc. Đồng thời, thông qua những trải nghiệm này, sinh viên có thể tích lũy và xây dựng cho mình một hệ thống kiến thức chuyên môn thực tế và hiệu quả.
3	NLCL-03	Ứng dụng tiếng Hàn chuyên ngành: Sinh viên được trang bị vốn kiến thức cơ bản trong ngành nghề để có thể làm việc trong các công ty Hàn Quốc hoặc công ty có liên doanh với các đối tác Hàn Quốc.
4	NLCL-04	Ứng dụng thực tế: dịch được các mẫu văn bản hành chính cơ bản, soạn thảo được các mẫu văn bản đặc trưng đối với từng cơ quan hành chính Hàn Quốc tại Việt Nam.
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Năng lực sử dụng CNTT: Có chứng chỉ kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
2	NLNC-02	Vận dụng tốt bộ gõ tiếng Hàn, công cụ trình chiếu: Sinh viên được trang bị cách thức tra cứu các nguồn tài liệu điện tử liên quan đến chuyên ngành Hàn Quốc học; soạn thảo các văn bản bằng tiếng Hàn trên máy tính bằng bộ gõ Hanguel, đánh máy song ngữ tiếng Việt và tiếng Hàn Quốc; có kỹ năng thuyết trình các nội dung có liên quan đến tiếng Hàn bằng powerpoint trên máy chiếu.

6. Nội dung chương trình:

MÃ MH/ MĐ	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	Thời gian học tập (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận/ bài tập	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng và an	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học chuyên môn	77	2085	696	1287	102
II.1	Môn học cơ sở	5	90	40	45	5
MĐ07	Văn hoá Hàn Quốc	3	60	28	30	2

MH08	Tiếng Hàn cơ bản	2	30	12	15	3
II.2	Môn học chuyên môn	70	1950	640	1215	95
MH09	Ngữ pháp Tiếng Hàn 1	3	75	32	39	4
MH10	Ngữ pháp Tiếng Hàn 2	3	75	32	39	4
MH11	Ngữ pháp Tiếng Hàn 3	3	75	32	39	4
MH12	Ngữ pháp Tiếng Hàn 4	3	75	32	39	4
MĐ13	Nghe Tiếng Hàn 1	3	75	32	39	4
MĐ14	Nghe Tiếng Hàn 2	3	75	32	39	4
MĐ15	Nghe Tiếng Hàn 3	3	75	32	39	4
MĐ16	Nghe Tiếng Hàn 4	3	75	32	39	4
MĐ17	Nói Tiếng Hàn 1	3	75	32	39	4
MĐ18	Nói Tiếng Hàn 2	3	75	32	39	4
MĐ19	Nói Tiếng Hàn 3	3	75	32	39	4
MĐ20	Nói Tiếng Hàn 4	3	75	32	39	4
MH21	Đọc Tiếng Hàn 1	3	75	32	39	4
MH22	Đọc Tiếng Hàn 2	3	75	32	39	4
MH23	Đọc Tiếng Hàn 3	3	75	32	39	4
MH24	Đọc Tiếng Hàn 4	3	75	32	39	4
MH25	Viết Tiếng Hàn 1	3	75	32	39	4
MH26	Viết Tiếng Hàn 2	3	75	32	39	4
MH27	Viết Tiếng Hàn 3	3	75	32	39	4
MH28	Viết Tiếng Hàn 4	3	75	32	39	4
MĐ29	Thực hành năng lực Tiếng	3	135	0	130	5
MĐ30	Thực hành năng lực Tiếng	3	135	0	130	5
MĐ31	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	175	5
II.3	Môn học tự chọn	2	45	16	27	2
MH32	Biên phiên dịch tiếng Hàn	2	45	16	27	2
MH33	Phương pháp giảng dạy tiếng	2	45	16	27	2
TỔNG CỘNG		96	2520	853	1542	125

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng năm học, học kỳ, tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau :

+ Một giờ học Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành, thực tập không quá 8 giờ học;

+ Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

- Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện:

- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ LĐTBXH Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng và An ninh;

- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành chương trình môn học Tin học;
- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành chương trình môn Giáo dục thể chất;
- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành chương trình môn Pháp luật;
- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành chương trình môn Giáo dục chính trị;
- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ LĐTBXH ban hành chương trình môn học Tiếng Anh.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện học viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại, thực tập doanh nghiệp	Mỗi học kỳ 1 lần

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

7.3.1 Kiểm tra (trọng số 40%):

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và phải đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học, chỉ được thực hiện sau khi đã được Ban Giám hiệu phê duyệt.

d) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học cụ thể được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.3.2 Thi kết thúc môn học (trọng số 60%):

Thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Quyết định số 43/QĐ-KHCN-QLĐT ngày 05/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ TP.HCM.

7.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Quyết định số 43/QĐ-KHCN-QLĐT ngày 05/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ TP.HCM.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy số tín chỉ và chuẩn đầu ra đã đạt của người học để xét công nhận tốt nghiệp; căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành theo quy định.

7.5. Các chú ý khác: